

Số: /BC-UBND

Minh Long, ngày tháng 5 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Số liệu thống kê về giao thông nông thôn 2021-2024**

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1489/SGTVT-QLGT ngày 10/5/2024 về việc báo cáo số liệu thống kê về giao thông nông thôn 2021-2024. UBND huyện Minh Long tổng hợp, báo cáo kết quả như sau:

**1. Thống kê dữ liệu về phát triển GTNT trên địa bàn huyện**

| Loại đường/tiêu chuẩn<br>(theo tiêu chuẩn xây<br>dựng nông thôn mới)                           | Năm 2021                           |                    |                   | Năm 2022                     |                    |                   | Năm 2023                     |                    |                   | Năm 2024                     |                    |                                |
|--|------------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------------|--------------------|--------------------------------|
|  | Tổng<br>g<br>chiề<br>u dài<br>(km) | Chỉ<br>tiêu<br>(%) | Kết<br>quả<br>(%) | Tổng<br>chiều<br>dài<br>(km) | Chỉ<br>tiêu<br>(%) | Kết<br>quả<br>(%) | Tổng<br>chiều<br>dài<br>(km) | Chỉ<br>tiêu<br>(%) | Kết<br>quả<br>(%) | Tổng<br>chiều<br>dài<br>(km) | Chỉ<br>tiêu<br>(%) | Kết<br>quả<br>(đến<br>tháng 4) |
| 1. Đường huyện   |                                    |                    |                   |                              |                    |                   |                              |                    |                   |                              |                    |                                |
| - Đạt chuẩn theo quy<br>hoạch của tỉnh   |                                    | 10<br>0            | 100               |                              | 10<br>0            | 10<br>0           |                              | 10<br>0            | 10<br>0           |                              | 10<br>0            | 10<br>0                        |
| - Được trồng cây xanh dọc<br>tuyến đường   | 0                                  | 0                  | 0                 | 0                            | 0                  | 0                 | 0                            | 0                  | 0                 | 0                            | 0                  | 0                              |
| 2. Đường xã: Được nhựa<br>hóa hoặc bê tông hóa, đảm<br>bảo ô tô đi lại thuận tiện<br>quanh năm | 3,1                                | 10<br>0            | 100               | 3,1                          | 10<br>0            | 10<br>0           | 3,1                          | 10<br>0            | 10<br>0           | 3,1                          | 10<br>0            | 10<br>0                        |
| 3. Đường thôn: Ít nhất<br>được cứng hóa, đảm bảo ô<br>tô đi lại thuận tiện quanh<br>năm        | 2,7<br>6                           | 10<br>0            | 100               | 2,7<br>6                     | 10<br>0            | 10<br>0           | 2,7<br>6                     | 10<br>0            | 10<br>0           | 2,7<br>6                     | 10<br>0            | 10<br>0                        |

|  |       |      |     |       |      |      |       |      |      |       |    |    |
|--|-------|------|-----|-------|------|------|-------|------|------|-------|----|----|
| 4. Đường ngõ xóm: Sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm                  | 13, 1 | 10 0 | 100 | 14, 3 | 10 0 | 10 0 | 18, 5 | 10 0 | 10 0 | 20, 6 | 90 | 90 |
| 5. Đường trục chính nội đồng: Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | 0     | 0    | 0   | 0     | 0    | 0    | 0     | 0    | 0    | 0     | 0  | 0  |

2. Đánh giá về phát triển GTNT trên địa bàn (chỉ đánh giá về đường thôn, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng)

### 2.1. Đánh giá về việc đảm bảo các yêu cầu phát triển GTNT

- Phát triển GTNT trên địa bàn: Giao thông nông thôn trên địa bàn huyện phát triển phù hợp với chiến lược phát triển GTNT Việt Nam, Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch GTNT tổng thể của tỉnh. Nhìn chung, các xã trên địa bàn huyện đều đã đạt chuẩn tiêu chí về giao thông theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển GTNT trên địa bàn huy động sự tham gia tích cực của nhân dân: Việc Phát triển GTNT trên địa bàn xã có sự tham gia đóng góp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, theo đó người dân bằng nhiều hình thức khác nhau đã tích cực ủng hộ việc triển khai các dự án giao thông từ việc đóng góp kinh phí huy động; hiến đất, cây cối, hoa màu để làm mới, mở rộng đường.

- Phát triển GTNT trên địa bàn tạo sự hài lòng, đồng thuận, ủng hộ của nhân dân:

+ Việc phát triển GTNT, bê tông hóa GTNT, giải quyết tốt việc đi lại của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH của địa phương, tạo điều kiện phát triển cơ giới hoá trong sản xuất, trao đổi hàng hoá, đẩy mạnh, nâng cao đời sống tinh thần vật chất cho người dân khu vực nông thôn.

+ Chương trình hỗ trợ xi măng do nhà nước và nhân dân cùng làm là một chương trình hết sức thiết thực được nhân dân đồng tình ủng hộ, từ đó giảm được kinh phí đầu tư của nhà nước, từng bước bê tông hóa các tuyến đường giao thông trong thôn, ngõ xóm, các trục chính nội đồng thuận tiện trong việc đi lại.

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị địa phương trên địa bàn đã khẩn trương, kịp thời vận động, tuyên truyền đến người dân thực hiện các dự án, Chương trình. Do đó, người dân hết sức ủng hộ, đồng thuận và hài lòng với kết quả thực hiện.

### 2.2. Đánh giá về kết quả phát triển GTNT

Việc đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã góp phần hoàn thiện từng bước hệ thống hạ tầng giao thông, qua đó góp phần tạo thuận lợi cho việc đi lại, sản xuất của người dân, việc trao đổi mua bán hàng hóa, nông sản của người dân nông thôn

được thuận lợi, qua đó làm thay đổi đáng kể diện mạo khu vực nông thôn, nâng cao đời sống của người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

### **3. Đánh giá chung về ưu điểm, hạn chế trong phát triển GTNT trên địa bàn**

#### **- Ưu điểm và nguyên nhân**

+ Hệ thống đường giao thông nông thôn của các xã trên địa bàn cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân và vận chuyển sản phẩm nông nghiệp.

+ Bên cạnh việc đầu tư bê tông hóa các tuyến đường GTNT; UBND các xã đã thực hiện tốt công tác vận động nhân dân đã tự nguyện hiến đất, cây cối, vật kiến trúc, góp tiền, ngày công để mở rộng, nâng cấp và cứng hóa các tuyến đường thôn, xóm theo quy hoạch.

+ Đối với các công trình hỗ trợ xi măng, ngoài kinh phí xi măng đã được tỉnh hỗ trợ; nhân dân tự đóng góp kinh phí mua vật liệu khác (cát, sạn, ...) để làm đường; ngoài ra còn hiến đất, đóng góp ngày công, thuê nhân công, máy móc thi công,...

#### **- Hạn chế và nguyên nhân**

+ Hiện trạng các tuyến đường GTNT do UBND các xã quản lý có nhiều tuyến đường được đầu tư từ lâu, hiện nay đã xuống cấp. Trong những năm qua, địa phương đã dành nhiều nguồn lực đầu tư phát triển các tuyến đường giao thông nông thôn, trong đó ưu tiên tập trung đầu tư đường GTNT theo kế hoạch để hoàn thiện tiêu chí giao thông trong Chương trình xây dựng nông thôn mới; tuy nhiên, việc đầu tư chủ yếu là xây dựng mới các tuyến đường, việc duy tu, sửa chữa các tuyến đường tuy đã được thực hiện nhưng vì kinh phí còn eo hẹp nên nhiều tuyến đã xuống cấp.

+ Việc cung ứng xi măng thường hoàn thành vào những tháng cuối năm, thời tiết vào mùa mưa gây áp lực về thời gian thực hiện, khó khăn trong quá trình thi công xây dựng.

### **4. Dự báo xu hướng phát triển GTNT trên địa bàn và yêu cầu đặt ra**

- Thực hiện có nhiều tuyến đường đã được đầu tư từ lâu đến nay đã xuống cấp, do đó trong thời gian tới cần phải có nguồn kinh phí để đầu tư nâng cấp để góp phần tạo thuận cho việc đi lại của Nhân dân.

- Hệ thống đường thôn, ngõ, xóm trên địa bàn hiện nay có bề rộng mặt đường từ 1,5m – 3,5m, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân; vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo cần tính toán mở rộng các tuyến đường, đầu tư hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng để đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

- Phát triển kết cấu hạ tầng GTNT đảm bảo chất lượng, bền vững, đồng thời phù hợp với đồ án Quy hoạch xây dựng của các xã. Việc nâng cao chất lượng hạ tầng giao thông nông thôn cần được thực hiện một cách nghiêm túc; tổ giám sát cộng đồng phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc giám sát quá trình tổ chức thi công; kết nối mạng lưới giao thông của xã, với mạng lưới giao thông của huyện, của tỉnh, tạo sự liên hoàn thông suốt; đảm bảo lưu thông hàng hoá,

vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được thuận lợi, nhanh chóng.

### **5. Đề xuất giải pháp phát triển GTNT trên địa bàn**

- UBND tỉnh nghiên cứu tiếp tục cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ thêm cho huyện Minh Long để thực hiện công tác duy tu, sửa chữa các tuyến đường đã được đầu tư từ lâu nay đã xuống cấp.

- Đối với các công trình hỗ trợ xi măng: Cần đẩy nhanh tiến độ lựa chọn đơn vị cung ứng xi măng để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thi công công trình vào mùa nắng nhằm đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, thẩm mỹ và đảm bảo thời gian hoàn thành các thủ tục thanh toán.

Trên đây là báo cáo số liệu thống kê về giao thông nông thôn 2021-2024 trên địa bàn huyện, kính đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở GTVT tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng KT&HT;
- VP: C, PCVP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Bảy**